TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **209**/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 20-9-2018.
V/v: *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thái;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hướng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- B đơn: Chị Thái Thị B, sinh năm 1979. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Võ Thành T, sinh năm 1973. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, B đơn - chị Thái Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Nam vào ngày 17 tháng 12 năm 2007. Sau khi kết hôn, chị phát hiện anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị đã chứng kiến hai người đang ở chung với nhau tuy nhiên chị vẫn bỏ qua để mong gia đình được êm ấm, có điều kiện nuôi dạy con cái. Trong những năm gần đây, anh T thường hay đi làm xa và chị cảm nhận anh T không bỏ được tật cũ vì chị nhận thấy anh T không quan tâm

đến gia đình, vợ con. Nhiều lần anh T có hành vi bạo lực và dùng nhiều lời lẽ xúc phạm chị nên chị không thể chấp nhận được. Đến nay, hạnh phúc gia đình đã đỗ vỡ, tình cảm vợ chồng không còn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Võ Thị Mai A, sinh ngày 24/9/2010 và Võ Tiến K, sinh ngày: 22/8/2013. Chị B yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị B không có trình bày và yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bị đơn - anh Võ Thành T trình bày: Anh thống nhất với chị B về thời gian và điều kiện kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn như chị B đã trình bày là không đúng. Anh không có quan hệ ngoại tình mà đây là sự nghi ngờ, ghen tuông vô cớ của chị B, ngoài ra anh cũng không có đánh đập vợ con. Do tính chất công việc, anh phải thường xuyên đi làm ăn xa nên không có điều kiện để quan tâm đến vợ con nhưng hàng tháng anh vẫn kiếm tiền về đưa cho chị B để trả nợ và lo gia đình, nuôi con nên việc chị B cho rằng anh không có trách nhiệm với gia đình, vợ con là không đúng sự thật. Anh thừa nhận vợ chồng có cãi vã nhau nhưng đó là những mâu thuẫn bình thường trong cuộc sống vợ chồng. Hiện nay, anh vẫn còn thương yêu vợ con nên anh không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng về sống đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Võ Thị Mai A, sinh ngày 24/9/2010 và Võ Tiến K, sinh ngày: 22/8/2013. Nếu chị B kiên quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu K đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, anh T không có trình bày và yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành và tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý, giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị B được ly hôn với anh T và giao hai con chung cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nơi cư trú của anh Võ Thành T tại Thôn X, xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; chị B yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Võ Thành T. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Quảng Nam ngày 17/12/2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân gia đình.

Chị B có yêu cầu ly hôn và nuôi con chung. Theo chị B lý do chị yêu cầu được ly hôn với anh T là sau khi kết hôn chị phát hiện anh T có quan hệ ngoại tình và không quan tâm đến gia đình; nhiều lần có hành vi bạo lực và dùng nhiều lời lẽ xúc phạm chị nên chị không thể chấp nhận được. Đến nay, vợ chồng không còn thương yêu và tin tưởng nhau, hạnh phúc gia đình đã đổ vỡ; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên không thể hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự để mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, anh T khẳng định nguyên nhân mâu thuẫn như chị B trình bày là không có mà chỉ là nguyên cớ để chị B yêu cầu được ly hôn với anh. Anh T thừa nhận do tính chất công việc phải thường xuyên đi làm ăn xa nên không có điều kiện để quan tâm vợ con, nhiều lúc vợ chồng có cãi vã nhau nhưng đó là những mâu thuẫn bình thường trong cuộc sống vợ chồng. Hiện nay, anh vẫn con thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng về sống đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Tại biên bản xác minh ngày 26/7/2018, UBND xã P cung cấp: *"Nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị B như thế nào thì địa phương không rõ"*. Tại phiên tòa, chị B vẫn kiên quyết ly hôn mặc dù anh T không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa chị B và anh T đã không còn sự chăm sóc, chia sẽ tình cảm vợ chồng, không còn tôn trọng, thương yêu nhau và vợ chồng đã mất niềm tin nên cuộc sống hôn nhân không đem lại hạnh phúc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh T là trầm trọng, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được nên mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia

đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho chị B được ly hôn với anh T.

[3] Về nuôi dưỡng con chung: Chị B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T yêu cầu đoàn tụ nhưng nếu chị B kiến quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được nuôi con Võ Tiến K và không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Theo kết quả xác minh tại UBND xã P ngày 26/7/2018 thì chị B và anh T đều đủ khả năng lao động nên đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Chị B đang là giáo viên tại trường THCS P, huyện Q thu nhập ổn định 07 triệu đồng/tháng, anh T làm công nhân cho một công ty tư nhân thu nhập bình quân 12 triệu đồng/tháng. Hiện nay, con chung tên Võ Thị Mai A, sinh ngày 24/9/2010 đã trên 07 tuổi và tại biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2018 cháu A cho biết: *"Nếu ba mẹ cháu ly hôn, cháu muốn ở với mẹ vì ba cháu thường đi làm về đánh mẹ cháu và không quan tâm đến cháu..."*. Đối với con chung tên Võ Tiến K, sinh ngày 22/8/2013, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu K đã trên 36 tháng tuổi nhưng vẫn rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Anh T vì công việc phải đi làm ăn xa và không đảm bảo thời gian để chăm sóc con nên để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt như ăn ở, học hành,... của các cháu; Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Võ Thị Mai A và cháu Võ Tiến K cho chị B nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hợp lý. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, xử giao cháu A và cháu K cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Về án phí: Chị B phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thái Thị B về việc "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*".

1. Về hôn nhân: Chị Thái Thị B được ly hôn với anh Võ Thành T.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Mai A, sinh ngày 24/9/2010 và cháu Võ Tiến K, sinh ngày 22/8/2013 cho chị Thái Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên *(đủ 18 tuổi)*. Anh Võ Thành T không phải

cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Thái Thị B phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006699 ngày 31/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã P, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Văn Thể

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**